

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **133/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 03/6/2022

*“Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình giữa
ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị X”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Quang Thịnh.

2. Ông Hoàng Huy Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kỳ Khôi - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 193/2021/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 10 năm 2021 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12a/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐST-HNGĐ, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn Khánh Xuân, xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

** Bị đơn:* Bà Vũ Thị X, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn Khánh Xuân, xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Ông Nguyễn Văn H có mặt; bà Vũ Thị X vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Vũ Thị X có quan hệ hôn nhân hợp pháp, khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn đúng quy định tại UBND xã H, huyện H năm 2000. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống tại thôn Khánh Xuân, xã H; ở riêng trên đất của bố mẹ đẻ ông. Quá trình chung sống thời gian sau này vợ chồng

bất đồng quan điểm sống nên xảy ra mâu thuẫn, từ tháng 8 năm 2020 bà X bỏ đi làm ăn ở xa, vợ chồng sống ly thân, không còn tình cảm, không quan tâm đến nhau nữa. Đến nay, ông xác định vợ chồng không thể quay lại chung sống, không còn tình cảm với nhau. Ông đề nghị Toà án nhân dân huyện H giải quyết cho ông được ly hôn với bà Vũ Thị X.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn H xác định, ông và bà Vũ Thị X có 02 con chung, cháu Nguyễn Việt B, sinh ngày 16/01/2002; cháu Nguyễn Lan A, sinh ngày 02/6/2010. Hiện nay, các con chung của ông và bà X đều đang ở với ông, do ông trực tiếp nuôi dưỡng; cháu B đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động và sống tự lập; cháu Lan A hiện đang học lớp 6, có cuộc sống ổn định, được đi học và chăm sóc đầy đủ. Khi ly hôn ông không đề nghị Toà án giải quyết về phân trách nhiệm nuôi con chung đối với cháu B; ông đề nghị được là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lan A, vì cháu ở với ông do ông chăm sóc từ khi ông và bà X sống ly thân, bà X hàng tháng có về nhà thăm con nhưng không thường xuyên ở nhà, không gần gũi với các con, đi về thất thường. Ông không yêu cầu bà X cấp dưỡng nuôi con chung, bà X có quyền đi lại thăm con ông không cản trở.

Về tài sản, vay nợ chung: Ông Nguyễn Văn H xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng không có vay nợ chung, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi văn bản tố tụng theo đường bưu điện và niêm yết đúng quy định nhưng bà X không đến Tòa án để làm việc. Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang tiến hành xác minh tại nơi cư trú cũng là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của bà X. Kết quả xác minh thể hiện, bà X có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Khánh Xuân, xã H, huyện H cùng gia đình ông Nguyễn Văn H và các con chung là Nguyễn Việt B và Nguyễn Lan A; ông Phạm Tiến M, Trưởng thôn Khánh Xuân xác nhận, bà Vũ Thị X có đăng ký hộ khẩu thường trú, có nhà ở tại thôn Khánh Xuân, xã H, huyện H. Hiện nay, ở nhà chỉ có ông Nguyễn Văn H và 02 con chung của ông H và bà X thường xuyên ở nhà, bà X đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về. Do vậy, việc bà X không đến Tòa án để làm việc thể hiện ý thức chủ quan của bà X là không thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Tại Biên bản ghi nhận ý kiến của con chung, cháu Nguyễn Lan A, cháu Lan A trình bày: Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với bố; việc cháu muốn ở với bố là hoàn toàn tự nguyện; từ khi bố mẹ cháu ly thân cháu vẫn ở với bố, mọi sinh hoạt của cháu đều do bố cháu chăm lo.

Kết quả xác minh cũng thể hiện về các mối quan hệ của ông H và bà X như sau: Ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị X có quan hệ hôn nhân hợp pháp, khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn đúng quy định. Việc vợ chồng ông H và bà X

mâu thuẫn với nhau cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm được. Hiện nay, bà X đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về nhà; ông H và bà X có 02 con chung, các con chung của ông bà đang ở cùng ông H, do ông H nuôi dưỡng. Về tài sản chung của ông H và bà X, ông bà ở nhà riêng trên đất của bố mẹ đẻ ông H, cụ thể địa phương không nắm được. Vay nợ chung của ông H và bà X địa phương không biết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Vũ Thị X. Giao cháu Nguyễn Lan A, sinh ngày 02/6/2010 cho ông H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, bà X không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông H chưa yêu cầu và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; đối với cháu Nguyễn Việt B, sinh ngày 16/01/2002, là con chung của ông H bà X, cháu B hiện đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động và sống tự lập, ông H không đề nghị giải quyết về việc nuôi dưỡng cháu B, nên không đề nghị xem xét. Ông H xác nhận vợ chồng không có tài sản, đất đai chung; không có vay nợ chung; ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản, vay nợ chung nên đề nghị không xem xét giải quyết; ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, bà Vũ Thị X không phải nộp án phí; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và ý kiến trình bày tại phiên tòa của ông Nguyễn Văn H và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị X tự nguyện kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang ngày 25 tháng 12 năm 2000. Vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn từ năm 2020 cũng từ đó vợ chồng sống ly thân, cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm, không còn có sự gắn kết, không quan tâm đến nhau. Quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà X không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không tồn tại gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, xử cho ông H được ly hôn với bà Vũ Thị X.

[2] Về con chung: Theo ý kiến trình bày của ông Nguyễn Văn H và các tài liệu chứng cứ khác đều đủ cơ sở xác định, ông H và bà Vũ Thị X có 02 con chung, cháu Nguyễn Việt B, sinh ngày 16/01/2002; cháu Nguyễn Lan A, sinh ngày 02/6/2010; từ khi vợ chồng sống ly thân, con chung do ông H trực tiếp nuôi dưỡng; cháu Nguyễn Việt B đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động và sống tự lập. Nên cần chấp nhận đề nghị của ông H và ý kiến của cháu Nguyễn Lan A thể hiện tại văn bản ghi nhận ý kiến, giao cháu Nguyễn Lan A, là con chung của ông H bà X cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục; do ông H chưa yêu cầu nên bà X không phải cấp dưỡng nuôi con chung; bà X có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; sau khi ly hôn các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

[3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Ông Nguyễn Văn H xác định vợ chồng không có tài sản, đất đai chung; không có vay nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về việc vắng mặt của bà Vũ Thị X: Trong quá trình giải quyết vụ án bà X vắng mặt không có lý do, Tòa án nhân dân huyện H đã tiến hành xác minh nơi cư trú và các mối quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, quan hệ tài sản, đất đai, vay nợ chung của ông H và bà X, cũng như đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đảm bảo đúng với các quy định của pháp luật. Kết quả xác minh đã thể hiện bà X vẫn có nơi cư trú (nhà ở) tại địa phương và có đăng ký hộ khẩu tại thôn Khánh Xuân, xã H, huyện H; ông H bà X cùng các con ở nhà riêng trên đất của bố mẹ đẻ ông H. Các thủ tục tổng đạt và xác minh của Tòa án đã thực hiện đầy đủ và đúng với các quy định của pháp luật về việc giải quyết vụ án trong trường hợp một bên đương sự vắng mặt.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; bà Vũ Thị X không phải nộp án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Vũ Thị X.

Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2002 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, cấp ngày 25 tháng 12 năm 2002 cho ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị X không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lan A, sinh ngày 02/6/2010, cho ông Nguyễn Văn H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà Vũ Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do ông H chưa yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2021/0004560 ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Bà Vũ Thị X không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn H, có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Vũ Thị Xuân, vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thanh Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hà Quang Thịnh - Hoàng Huy Phúc

Lương Thanh Huyền

